

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 17-01-2023  
V/v ly hôn và Cha tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Vịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị PH - Kiểm sát viên.

Ngày 17-01-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2021/TLST- HNGĐ ngày 07-10-2021, về việc Ly hôn và Cha tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12-12-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/TB-TA ngày 05-01-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị H; nơi cư trú: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn Th; nơi cư trú: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đặng Thị Th1, nơi cư trú: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Văn Th; nơi cư trú: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng (Theo giấy uỷ quyền ngày 16-8-2022), đều có mặt;

+ Chị Đặng Thị H1; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã GY, huyện GTh, tỉnh Nam Định; nơi sinh sống: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành

phố Hải Phòng; người đại diện theo uỷ quyền: Bà Vũ Thị H; nơi cư trú: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, chị H1 vắng mặt, bà H có mặt;

+ Bà Đặng Thị Th2; nơi cư trú: Khu dân phố ĐTh, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có mặt;

+ Bà Đặng Thị X; nơi cư trú: Thôn AL, xã AH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Ông Đặng Văn V; nơi cư trú: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

+ Ông Phạm Văn Ch; nơi cư trú: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn Th kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên toà bà Vũ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 08-10-1990. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, không hợp nhau về tính cách cũng như trong quản lý kinh tế nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau. Mặc dù bà đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đặng Văn Th.

- Về con chung: Bà và ông Th có 02 con chung là Đặng Thị H1, sinh ngày 14-7-1991 và Đặng Văn D, sinh ngày 22-11-2002. Hiện các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông Th có tài sản chung là diện tích 690 m<sup>2</sup> đất tại thửa 94(1b), tờ bản đồ 54, địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV200228, vào sổ số CH01647 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 05-6-2020 đứng tên vợ chồng là Đặng Văn Th và Vũ Thị H. Diện tích đất theo kết quả thẩm định, định giá và được UBND huyện Vĩnh Bảo công nhận quyền sử dụng là 704m<sup>2</sup>; tài sản trên đất có 03 ngôi nhà cấp 4 (trong đó ngôi nhà 1,5 tầng do vợ chồng xây dựng nên) còn lại 01 ngôi nhà cấp 4 mái ngói do ông Th đang sử dụng, 01 ngôi nhà cấp 4 mái bằng do bà Th1 đang sử dụng và hệ thống công trình phụ, cây cối là do cụ Ngô Thị Rỵ (mẹ đẻ ông Th) tặng cho vợ chồng bà. Khi ly hôn, bà đề nghị Tòa án Chia đôi tài sản

chung của vợ chồng theo hiện vật, theo đó bà đề nghị được nhận ngôi nhà nhà 1,5 tầng và ngôi nhà cấp 4 mái ngói còn giao cho ông Th ngôi nhà cấp 4 do bà Th1 quản lý, Đối với phần diện tích 13m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất có cây H ngoài trời cũng như phần diện tích đất liên quan đến nhà ông Phạm Văn Ch bà không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với căn nhà 1,5 tầng có một phần nằm trên phần diện tích đất 71m<sup>2</sup> của chị Đặng Thị H1 bà sẽ tự giải quyết với chị H1, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về Ch phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà tự nguyện chịu các Ch phí này, bà đã nộp đủ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà Đặng Thị Th1 - Ông Đặng Văn Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như nội dung bà H trình bày là đúng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Đặng Thị H1, sinh ngày 14-7-1991 và Đặng Văn D, sinh ngày 22-11-2002. Hiện các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà H không có tài sản chung. Việc bà H trình bày vợ chồng có tài sản chung là diện tích 690m<sup>2</sup> đất tại thửa 94(1b), tờ bản đồ 54, địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV200228, vào sổ số CH01647 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 05-6-2020 đứng tên vợ chồng là Đặng Văn Th và Vũ Thị H là không đúng. Vì diện tích 690m<sup>2</sup> đất mà bà H trình bày có nguồn gốc là của bố mẹ đẻ ông cụ Đặng Văn Bội và cụ Ngô Thị Rỵ cho riêng ông. Năm 2011, cụ Rỵ đã họp gia đình và phân Chia tài sản cho ông và các chị gái của ông là bà Đặng Thị Th2, bà Đặng Thị Th1 (bà Th1 hiện đang ở cùng ông), bà Đặng Thị X mỗi người một lô khoảng 83,1m<sup>2</sup>, hiện bà Th2, bà Th1, bà X đã chuyển nhượng cho người khác, diện tích đất còn lại là của riêng ông, việc bà H có tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông chỉ cho bà H đứng tên chứ không cho quyền sử dụng. Năm 2019, ông đã cho con gái Đặng Thị H1 diện tích 115m<sup>2</sup>, chị H1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Diện tích 806m<sup>2</sup> còn lại, ông đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông chưa nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Ông không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2020 như bà H nêu. Đối với tài sản trên đất là 03 ngôi nhà cấp 4 (trong đó ngôi nhà 1,5 tầng do bà H quản lý, ngôi nhà mái ngói hiện do ông đang quản lý và ngôi nhà mái bằng bố mẹ ông xây cho bà Đặng Thị Th1 ở đến cuối đời sau đó mới bàn giao cho ông và hệ thống công trình phụ, cây cối. Đây là

tài sản riêng của ông, do ông và bố mẹ ông bỏ tiền ra xây dựng, bà H không có công sức đóng góp gì. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu Cha tài sản chung của bà H. Ông chỉ đồng ý cho bà H 100m<sup>2</sup> đất giáp với phần đất của con gái Đặng Thị H1. Đối với phần diện tích 13m<sup>2</sup> đất giáp nhà ông V và tài sản trên đất là cây H ngoài trời và phần đất liên quan đến nhà ông Ch, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Đặng Thị Th1 trình bày: Bà đồng ý với lời trình bày của ông Th và không có bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của đương sự chị Đặng Thị H1 trình bày: Chị đồng ý với lời trình bày của bà H và bổ sung thêm: Trường hợp bố mẹ chị ly hôn và Cha tài sản chung nếu bố mẹ chị Yêu cầu xử lý ngôi nhà 1,5 tầng, chị sẽ tự nguyện tháo dỡ ngôi nhà này để hoàn trả diện tích đất cho bố mẹ chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đặng Thị Th2 và bà Đặng Thị X đều trình bày: Bố mẹ bà là cụ Đặng Văn Bội và cụ Ngô Thị Ry. Cụ Bội chết năm 2006, cụ Ry chết năm 2016. Cụ Bội và cụ Ry sinh được 04 người con là Đặng Thị Th2, Đặng Thị Th1, Đặng Thị X và Đặng Văn Th. Ngoài 04 người con này cụ Bội và cụ Ry không có người con chung, con riêng, con nuôi nào khác; bố, mẹ của cụ Bội và cụ Ry đều chết trước cụ Bội và cụ Ry. Khi còn sống cụ Bội và cụ Ry có khối tài sản chung là diện tích 1.124 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ 54; địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Năm 2006 cụ Bội chết, khi chết cụ Bội không để lại di chúc. Do đó, đến năm 2011 gia đình gồm: Cụ Ry cùng các con là Đặng Thị Th2, Đặng Thị Th1, Đặng Thị X và Đặng Văn Th có hợp gia đình thống nhất tài sản thừa kế của cụ Bội để lại là ½ diện tích 1.124 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ 54; địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng sẽ cho cụ Ry được hưởng toàn bộ, số diện tích đất này đã được sang tên cho cụ Ry quản lý, sử dụng. Sau đó toàn bộ diện tích 1.124m<sup>2</sup> đất này được cho ai, cho như thế nào là quyền quyết định của cụ Ry. Năm 2011 cụ Ry đã Cha cho các con gái mỗi người một lô đất trong tổng số diện tích 1.124 m<sup>2</sup> đất, cụ thể: Cho 03 người con gái mỗi người được 01 lô khoảng 83,1 m<sup>2</sup>. Diện tích đất và tài sản trên đất còn lại cho em út là Đặng Văn Th. Nay, xác định không còn liên quan gì đến diện tích đất mà cụ Ry để lại cho ông Th và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Đặng Văn V trình bày: Đối với phần diện tích 13m<sup>2</sup> đất mà vợ chồng ông Th, bà H sử dụng sang phần diện tích đất nhà ông, ông sẽ tự giải quyết với vợ chồng ông Th, bà H. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn Ch trình bày: Đối với phần diện tích 22m<sup>2</sup> đất mà vợ chồng ông Th, bà H sử dụng sang phần diện tích đất nhà ông, ông sẽ tự giải quyết với vợ chồng ông Th, bà H. Ông không yêu cầu Toà án giải quyết .

Tại Công văn số: 88/TN&MT ngày 14-7-2022 và Công văn số: 156/TN&MT ngày 26-10-2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Bảo giải thích về sự chênh lệch giữa diện tích đất, vị trí đất ở, điều kiện tách thửa đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV200228, vào sổ số CH01647 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 05-6-2020 đứng tên ông Đặng Văn Th, bà Vũ Thị H trả lời: UBND huyện Vĩnh Bảo công nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Th, bà H tại thửa 94(1b), tờ bản đồ 54, địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng là 704m<sup>2</sup> trong đó có 30m<sup>2</sup> đất ở nhưng không xác định được vị trí nào tại thửa đất và không đủ điều kiện để tách thửa đối với diện tích 30m<sup>2</sup> đất ở này.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để xác định rõ diện tích đất đang tranh chấp cũng như xác định giá trị các tài sản tranh chấp. Theo Hội đồng định giá tài sản xác định, tại thời điểm định giá, tổng các tài sản đang tranh chấp của bà H và ông Th có trị giá là 9.578.949.253 (Chín tỷ năm trăm bảy mươi tám triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm năm mươi ba) đồng, cụ thể: Diện tích 704m<sup>2</sup> đất x 13.000.000 đồng/1m<sup>2</sup> = 9.152.000.000 đồng; các tài sản và vật kiến trúc gồm: Nhà 1,5 tầng, tường xây gạch chỉ 220, móng xây gạch, mái bằng bê tông cốt thép, nền vữa xi măng trị giá 180.963.488 đồng (bà H sử dụng); 01 nhà tắm độc lập, tường gạch chỉ 110 mái bằng bê tông cốt thép, nền và tường lát gạch đá hoa trị giá 1.250.704 đồng; cổng phía đường chính trị giá 2.018.623 đồng; 22 cây chuối, 01 cây mít, 01 cây cừ trị giá 3.840.000 đồng; 01 nhà 1 tầng mái ngói 3 gian, rui hoành bằng tre, móng xây gạch chỉ, phía trước hiên và 01 gian mái bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch đá hoa (ông Th sử dụng) trị giá 145.043.120 đồng; nhà 01 tầng, mái bê tông cốt thép, móng xây gạch chỉ đặc, nền xi măng vữa (bà Th1 sử dụng) trị giá 81.163.614 đồng; cổng phụ phía sau trị giá 2.211.132 đồng; tường bao xây gạch chỉ trị giá 5.038.572 đồng; 70 cây chuối, 01 cây mít, 01 cây trứng gà, 01 cây bơ trị giá 5.420.000 đồng. Các đương sự đều đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về Ly hôn và Chia tài sản khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và đúng về thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Th1,

chị Đặng Thị H1, bà Đặng Thị Th2 đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Đặng Văn V, ông Phạm Văn Ch và bà Đặng Thị X chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 147, 164, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 213; 219; 223 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, 167 Luật đất đai năm 2013; các điều 33, 55, 59, 62, Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 2 Luật người cao tuổi; khoản 1 Điều 6; Điều 12; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị H và ông Đặng Văn Th. Về con chung: Các con chung của bà H và ông Th đều đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản chung: Đề nghị Chia tài sản chung của vợ chồng bà H và ông Th như sau:

+ Bà Vũ Thị H được quyền sử dụng 35% trong tổng số 704m<sup>2</sup> đất tương ứng 246m<sup>2</sup> có giá trị là 3.198.000.000 đồng tại thửa 94 (1b) tờ bản đồ số 54, địa chỉ khu dân cư Diêm Niêm, thị trấn Vĩnh Bảo có cạnh tiếp giáp với đất của chị Đặng Thị H1, đất ông Lĩnh và đường xóm; được quyền sở hữu 1 ngôi nhà 1,5 tầng, tường xây gạch chỉ 220, móng xây gạch, mái bê tông cốt thép, nền vữa xi măng có trị giá 180.963.488 đồng; sân hành lang bê tông không còn giá trị; nhà tắm độc lập trị giá 1.250.704 đ; bể nước không còn giá trị; trụ cổng xây gạch mái bê tông trị giá 2.018.623đ; các loại (cây chuối 22 cây, mít 1 cây, cù 1 cây trị giá: 3.840.000 đồng và sở hữu nhà 01 tầng mái ngói ba gian, rui hoàng tre, móng xây gạch chỉ, phía trước hiên và 01 gian mái bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch đá hoa không công trình phụ trị giá 145.043.120 đồng. Tổng giá trị là 3.531.115.943 đồng. Bà H có trách nhiệm trả phần tài sản vượt quá tài sản được Cha sang cho ông Đặng Văn Th số tiền là 185.720.000 đồng.

+ Ông Đặng Văn Th được quyền sử dụng 65% trong tổng số 704m<sup>2</sup> đất tương ứng 458m<sup>2</sup> có giá trị là 5.954.000.000 đồng tại thửa 94 (1b) tờ bản đồ số 54, địa chỉ khu dân cư Diêm Niêm, thị trấn Vĩnh Bảo có cạnh tiếp giáp có ngõ đi chung, với nhà ông V và ông Ch, ông Hiệu, được quyền sở hữu các tài sản gồm: 01 tường bao có trị giá 5.038.000 đồng; cổng phía sau trị giá 2.211.132đồng; các loại cây trị giá 5.420.000 đồng và ngôi nhà 01 tầng, mái bằng bê tông cốt thép. Móng xây gạch chỉ trị giá: 81.163.614 đồng. Ông Th có trách nhiệm trả cho bà Th1 số tiền 81.163.614 đồng.

- Về Ch phí tố tụng: Bà H tự nguyện nhận chịu các Ch phí tố tụng và đã nộp đủ nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Miễn án phí sơ Thẩm cho ông Th, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Vũ Thị H có đơn xin ly hôn với ông Đặng Văn Th có nơi cư trú tại thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Th1, Đặng Thị Th2, chị Đặng Thị H1 đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Đặng Văn V, Đặng Văn Ch, bà Đặng Thị X chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần 2 ông Ch vắng mặt không có lý do, bà X và ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Ch, ông V và bà X.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H và ông Đặng Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 08-10-1990. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà H và ông Th đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau trong quản lý kinh tế nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không tôn trọng nhau. Mặc dù cả hai bên đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin ly hôn, ông Th đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị H và ông Đặng Văn Th.

[4] Về con chung: Bà H và ông Th đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Đặng Thị H1, sinh ngày 14-7-1991 và Đặng Văn D, sinh ngày 22-11-2002, các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Bà H cho rằng vợ chồng có tài sản chung là diện tích 690m<sup>2</sup> đất tại thửa 94(1b), tờ bản đồ 54, địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV200228, vào sổ số CH01647 do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 05-6-2020 đứng tên vợ chồng là Đặng Văn Th và Vũ Thị H. Diện tích đất theo kết quả thẩm định và định giá là 704m<sup>2</sup>; tài sản trên đất gồm 03 ngôi nhà cấp 4 và hệ thống công trình phụ, cây cối là tài sản chung của vợ chồng. Khi ly hôn, bà H đề nghị Toà án Cha đôi số tài sản này theo hiện vật, còn ông Th thì cho rằng toàn bộ tài sản mà bà H yêu cầu Toà án Cha là của cụ Ry tặng cho riêng ông, việc bà H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông chỉ cho bà H được đứng tên chứ không có quyền gì đối với diện tích đất và các tài sản trên đất này, vì bà H không có công sức đóng góp gì, ông và bà H chỉ có ngôi nhà 1,5 tầng là tài sản chung. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu Cha tài sản chung của bà H. Ông chỉ đồng ý cho bà H 100m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà 1,5 tầng trên đất. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà H và ông Th cung cấp, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Toà án thu thập được Hội đồng xét xử nhận định. Về nguồn gốc diện tích 690,4m<sup>2</sup> đất tại thửa 94(1b), tờ bản đồ 54, địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là của cụ Đặng Văn Bội và Ngô Thị Ry. Năm 2006 cụ Bội chết không để lại di chúc, năm 2011 cụ Ry cùng các con là Đặng Thị Th2, Đặng Thị Th1, Đặng Thị X và Đặng Văn Th đã họp gia đình thống nhất Cha tài sản thừa kế của cụ Bội để lại. Theo đó cụ Ry được hưởng toàn bộ, số diện tích đất của cụ Bội để lại và đã được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 299742 đối với diện tích 365m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 86 tờ bản đồ số 54; địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 289220 đối với diện tích 809m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 94 tờ bản đồ số 54; địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB. Ngày 20-4-2012 tại Văn phòng đăng ký đất đai Ch nhánh huyện Vĩnh Bảo cụ Ngô Thị Ry đã lập hợp đồng tặng cho diện tích 915,4m<sup>2</sup> đất tại thửa 94(1b), tờ bản đồ 54, địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng cho vợ chồng ông Đặng Văn Th, bà Vũ Thị H. Đến ngày 26-9-2012 diện tích 915,4m<sup>2</sup> đất này đã được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00254 cho vợ chồng ông Th, bà H. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định diện tích 915,4m<sup>2</sup> đất tại thửa 94(1b), tờ bản đồ 54, địa chỉ: Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH 00254 là tài sản chung của vợ chồng ông Th và bà H. Trong quá trình sử dụng đất từ năm 2012 đến nay vợ chồng ông Th, bà H đã nhiều lần tách thửa, tặng cho con gái là Đặng Thị H1 nên diện tích đất còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CV200228 ngày 05-6-2020 mang tên Đặng Văn Th và Vũ Thị H là 690,4m<sup>2</sup>, Tại Công văn số: 88/TN&MT ngày 14-7-2022, UBND huyện Vĩnh Bảo đã công nhận cho vợ chồng ông Th, bà H quyền sử dụng đất là 704m<sup>2</sup>. Do đó, việc bà H cho rằng diện tích 704m<sup>2</sup> đất và tài sản trên đất tại thửa đất là 94(1b), tờ bản đồ 54 là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ nên được chấp nhận, còn ông Th cho rằng diện tích



704m<sup>2</sup> và tài sản trên đất là tài sản riêng của ông không có căn cứ nên không được chấp nhận. Tuy nhiên, khi xem xét Cha tài sản chung của bà H và ông Th có được do cụ Ry (mẹ ông Th) tặng cho vợ chồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình và Án lệ số: 03/2016/AL ngày 06-4-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì khi Cha khởi tài sản trên cho bà H và ông Th cần xem xét công sức đóng góp để có được khối tài sản này. Theo đó, Hội đồng xét xử tính công sức đóng góp của ông Th được hưởng là 65%/tổng số tài sản mà vợ chồng có được trong đó có 30m<sup>2</sup> đất ở và 428m<sup>2</sup> đất vườn ao, bà H được hưởng là 35%/ tổng số tài sản mà vợ chồng có được.

[6] Đối với ngôi nhà 1,5 tầng, tường xây gạch chỉ 220, móng xây gạch, mái bằng bê tông cốt thép, nền vữa xi măng theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trị giá 188.072.814 đồng. Tại phiên tòa ông Th và bà H đều xác nhận ngôi nhà này là do vợ chồng tạo lập nên. Do đó Hội đồng xét xử tính công sức đóng góp của bà H và ông Th là ngang nhau và mỗi người được hưởng 50% giá trị ngôi nhà.

[7] Đối với ngôi nhà 01 tầng, mái bê tông cốt thép, móng xây gạch chỉ đặc, nền xi măng vữa (bà Th1 sử dụng) trị giá 81.163.000 đồng, tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận ngôi nhà này là do cụ Bội và cụ Ry xây dựng nên, sau khi xây dựng xong đã cho bà Th1 ở từ đó cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản riêng của bà Th1, trường hợp người nào được sử dụng ngôi nhà này thì phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Th1 giá trị tương đương bằng tiền.

[8] Đối với một phần ngôi nhà 1,5 tầng nằm trên một phần đất của chị H1. Do chị Hoà xin tự giải quyết với bà H và ông Th nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Đối với diện tích 22m<sup>2</sup> đất là của ông Phạm Văn Ch, và 13m<sup>2</sup> đất của ông Đăng Văn V, trên đất có 01 cây H ngoài trời là của bà H và ông Th. Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử, không xét.

[10] Về các Ch phí tố tụng khác: Bà H là người yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tự nguyện nhận chịu các Ch phí này và đã nộp đủ nên Hội đồng xét xử, không xem xét.

[11] Về án phí: Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí Cha tài sản chung của vợ chồng đối với phần tài sản được Cha theo quy định của pháp luật; ông Th là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí sơ thẩm cho ông Đăng Văn Th; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 245 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 213; 219; 223 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166; Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các điều 33; 55; 59; 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Án lệ số: 03/2016/AL ngày 06-4-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 2 Luật người cao tuổi; khoản 1 Điều 6; Điều 12; điểm a, b, e khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị H và ông Đặng Văn Th.

**2.** Về tài sản chung:

Cha cho bà Vũ Thị H được quyền sử dụng 246m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 94(1b), tờ bản đồ 54 tại Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng có giới cận: Phía Đông giáp phần đất khu dân cư dài 19,70m, giáp phần đất ông Th được Cha dài 16,43m; phía Tây giáp đất chị H1 dài 18,59m, phía Nam giáp đất ông Tiệm dài 11,56m; phía Bắc giáp đường xóm dài 4,78m; giáp đất chị H1 dài 3,34m. Trị giá: 3.198.000.000 đồng (có sơ đồ kèm theo) và được quyền sở hữu các tài sản trên đất bao gồm: 01 nhà 1,5 tầng, tường xây gạch chỉ 220, móng xây gạch, mái bằng bê tông cốt thép, nền vữa xi măng trị giá 180.963.488 đồng; 01 nhà tắm độc lập, tường gạch chỉ 110 mái bằng bê tông cốt thép, nền và tường lát gạch đá hoa trị giá 1.250.704 đồng; cổng phía đường chính giáp nhà chị H1 và đường xóm trị giá 2.018.623 đồng; 22 cây chuối, 01 cây mít, 01 cây cừ trị giá 3.840.000 đồng; 01 nhà 1 tầng mái ngói 3 gian, rui hoành bằng tre, móng xây gạch chỉ, phía trước hiên và 01 gian mái bằng bê tông cốt thép, nền lát gạch đá hoa trị giá 145.043.120 đồng. Tổng cộng thành tiền là 3.531.115.935 đồng (Ba tỷ năm trăm ba mươi một triệu một trăm mười lăm nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng). Bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả phần tài sản vượt quá tài sản được Cha cho ông Đặng Văn Th số tiền là 185.720.335 đồng. Làm tròn số: 185.720.000 (Một trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng.

Cha cho ông Đặng Văn Th được quyền sử dụng 458m<sup>2</sup> đất (Trong đó có 30m<sup>2</sup> đất ở và 428m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản) tại thửa đất số 94(1b), tờ bản đồ 54 tại Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng có giới cận: Phía Đông giáp phần đất ông Phạm Văn Ch có các cạnh dài

9,51m, 2,5m, 5035m, 6,25m, 5,45m, 6,03m, giáp ngõ đi chung 2,93m; phía Tây giáp đất bà H được Cha dài 16,43m, giáp đất ông Trần văn Hiệu dài 9,40m; phía Nam giáp đất ông Đặng Văn V dài 4,47m; phía Bắc giáp khu dân cư và đất tập thể có các cạnh dài 5,50m, 1,50m, 4,55m, 0,96m, 4,56m, 1,83m, 4,23m (có sơ đồ kèm theo). Trị giá 5.954.000.000 đồng và được quyền sở hữu các tài sản bao gồm; 01 nhà 01 tầng, mái bê tông cốt thép, móng xây gạch chỉ đặc, nền xi măng vữa (nhà bà Th1 sử dụng) trị giá 81.163.614 đồng; công phụ phía sau giáp nhà ông Đặng Văn V và ông Phạm Văn Ch trị giá 2.211.132 đồng; tường bao xây gạch chỉ trị giá 5.038.572 đồng; 70 cây chuối, 01 cây cừ, 01 cây mít, 01 cây trứng gà, 01 cây bơ trị giá 5.420.000.000 đồng. Tổng cộng thành tiền 6.047.833.000 đồng. Ông Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Th1 giá trị căn nhà của bà Th1 là 81.163.614 đồng. Làm tròn số: 81.163.000 (Tám mươi một triệu một trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

- Bà Vũ Thị H và ông Đặng Văn Th có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được Cha tại thửa đất số 94(1b), tờ bản đồ 54 tại Khu dân cư ĐN, thị trấn VB, huyện VB, thành phố Hải Phòng

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

### **3. Về án phí:**

- Bà Vũ Thị H phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 98.907.900 đồng án phí Cha tài sản chung của vợ chồng. Bà H đã nộp 29.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002062 ngày 07-10-2021, của Ch cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Bà H còn phải nộp 69.982.900 (Sáu mươi chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn chín trăm) đồng án phí sơ thẩm.

- Miễn án phí sơ thẩm cho ông Đặng Văn Th.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bà Vũ Thị H, ông Đặng Văn Th, chị Đặng Thị H1, bà Đặng Thị Th2, bà Đặng Thị Th1, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Đặng Thị X, ông Đặng Văn V, ông Phạm Văn Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Ch cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND thị trấn VB, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Vịnh**